

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025 /DS-ST

Ngày: 09 - 4 - 2025

Về việc tranh chấp “*đòi tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bá Dương

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “*đòi tiền*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2025/QĐXXST-DS ngày 7 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 153A/2025/QĐ-HPT ngày 24/02/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 153B/2025/QĐ ngày 13/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc Á, sinh năm 1968. Địa chỉ: D N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm: 1996. Địa chỉ: B Ban B, phường H, quận N, TP ., có mặt

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu X, sinh năm: 1966 và bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1976. Địa chỉ: C - D D, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH K. Địa chỉ: Số C - D D, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thu H - chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H có mượn tiền của bà Phạm Thị Ngọc Á cụ thể gồm:

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H mượn thêm 1.000.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền ngày 02/12/2021, trong giấy mượn này thể hiện nội dung: Mượn thêm số tiền 1.000.000.000 đồng cùng trong gói mượn tiền trước đây ngày 24/11/2021 là 5.000.000.000 đồng. Tổng cộng là 6.000.000.000 đồng và viết hẹn trả vào ngày 29/03/2022. Tuy nhiên, việc thanh toán 5.000.000.000 đồng này không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H mượn bà Phạm Thị Ngọc Á số tiền: 200.000.000 đồng, hẹn đến ngày cuối năm âm lịch (tức ngày 31/01/2022 dương lịch) trả cho bà Á. Khoản tiền này được bà Á chuyển khoản trực tiếp cho bà Lê Thị Thu H.

Ngày 29 tháng 01 năm 2022, ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H tiếp tục mượn bà Á số tiền: 1.000.000.000 đồng, thể hiện tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 29/01/2022 và hẹn đến ngày 29/03/2022 trả. Tổng số tiền nợ gốc mà vợ chồng ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H đã mượn của bà Phạm Thị Ngọc Á là: 2.200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bà Á đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000.000 đồng mượn ngày 02/12/2021 và 8.000.000 đồng trong khoản tiền mượn 200.000.000 đồng (tiền chuyển khoản) và yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H thanh toán cho bà Phạm Thị Ngọc Á số tiền nợ gốc là: 1.192.000.000 đồng.

- Yêu cầu trả lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/ gồm:

Lãi chậm thanh toán của khoản nợ 192.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 17/01/2025 đến ngày 9/4/2025 (82 ngày) là: 4.313.425 đồng.

Lãi chậm thanh toán của khoản nợ 1.000.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 30/03/2022 đến ngày 9/4/2025 (1106 ngày) là: 303.013.699 đồng.

Tổng số tiền 1.499.327.123 đồng (trong đó gốc 1.192.000.000 đồng và lãi 307.327.123 đồng).

* Bị đơn vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày thể hiện gồm: Trước đây bà Phạm Thị Ngọc Á có cho vợ chồng ông X bà H vay 5 tỷ đồng để đáo hạn ngân hàng, theo đó ông bà cầm cho bà Á lô đất số D đường D. Mức lãi suất 300 triệu / tháng. Do mức lãi cao nên không trả được số nợ này bà Á đe dọa giang hồ ép đòi nợ, chửi bới. Sau khi không có tiền để lấy nợ bà Á gọi điện vợ chồng ông X bà H để cho vay thêm như số tiền bà Á nêu trong đơn khởi kiện để tiếp tục trả lãi cho bà Á. Tuy nhiên vợ chồng cũng không còn khả năng trả nợ nữa thì bà Á đã tự đi làm thủ tục sang tên nhà đất đứng tên bà Á (sự việc này cũng đang được Tòa án giải quyết trong một vụ án khác), nay ông đề nghị mong lấy lại nhà và để vay tiền ngân hàng trả nợ cho bà Á như bà đã khởi kiện.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo theo quy định của BLTTDS.

2. Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự, Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc Á đối với ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H. Buộc ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H phải trả cho bà Phạm Thị Ngọc Á, số tiền 1.499.327.123 đồng (trong đó gốc 1.192.000.000 đồng và lãi 307.327.123 đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000.000 đồng mượn ngày 02/12/2021 (thể hiện tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 02/12/2021) và 8.000.000 đồng trong khoản tiền mượn 200.000.000 đồng (tiền chuyển khoản).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án về việc đòi tiền, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Vợ chồng ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H có mượn tiền của bà Phạm Thị Ngọc Á cụ thể gồm:

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H mượn số tiền 1.000.000.000 đồng và có viết giấy ngày 02/12/2021, trong giấy mượn này thể hiện nội dung: Mượn thêm số tiền 1.000.000.000 đồng cùng trong gói mượn tiền trước đây ngày 24/11/2021 là 5.000.000.000 đồng. Tổng cộng là 6.000.000.000 đồng và viết hẹn trả vào ngày 29/03/2022. Tuy nhiên, việc thanh toán 5.000.000.000 đồng này không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H mượn bà Phạm Thị Ngọc Á số tiền: 200.000.000 đồng, hẹn đến ngày cuối năm âm lịch (tức ngày 31/01/2022 dương lịch) trả cho bà Á. Khoản tiền này được bà Á chuyển khoản trực tiếp cho bà Lê Thị Thu H.

Ngày 29 tháng 01 năm 2022, ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H tiếp tục mượn bà Á số tiền: 1.000.000.000 đồng, thể hiện tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 29/01/2022 và hẹn đến ngày 29/03/2022 trả. Do đó, tổng số tiền nợ gốc mà vợ chồng ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H đã vay của bà Phạm Thị Ngọc Á là: 2.200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bà Á đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000.000 đồng mượn ngày 02/12/2021 và 8.000.000 đồng trong khoản tiền mượn 200.000.000 đồng (tiền chuyển khoản) và yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H thanh toán cho bà Phạm Thị Ngọc Á số tiền nợ gốc là: 1.192.000.000 đồng.

- Yêu cầu trả lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/ gồm:

Lãi chậm thanh toán của khoản nợ 192.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 17/01/2025 đến ngày 9/4/2025 (82 ngày) là 4.313.425 đồng.

Lãi chậm thanh toán của khoản nợ 1.000.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 30/03/2022 đến ngày 9/4/2025 (1106 ngày) là: 303.013.699 đồng. Tổng số tiền 1.499.327.123 đồng (trong đó gốc 1.192.000.000 đồng và lãi 307.327.123 đồng).

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Giữa bà Á và vợ chồng ông X bà H có thực hiện các khoản mượn tiền nhiều lần cụ thể: Ngày 07 tháng 01 năm 2022 mượn số tiền: 192.000.000 đồng; ngày 29 tháng 01 năm 2022 mượn số tiền: 1.000.000.000 đồng. Các lần mượn này ông X và bà H đều viết ký nhận nợ cho bà Á cũng như được thể hiện qua sao kê tài khoản. Thấy thỏa thuận cho mượn tiền này giữa các bên là tự nguyện, không ép buộc và được chính các bên thừa nhận. Do đó xác định đây là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng này phát sinh hiệu lực kể từ khi ký kết.

Việc vợ chồng ông X bà H khi mượn đã thể hiện hẹn ngày trả nợ vào các giấy mượn tiền cho bà Á nhưng không thực hiện đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do vậy yêu cầu của bà Á buộc ông X bà H hoàn trả số tiền gốc 1.192.000.000 đồng là phù hợp Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu trả lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/ năm cụ thể:

Lãi chậm thanh toán của khoản nợ 192.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 17/01/2025 đến ngày 9/4/2025 (82 ngày) là 4.313.425 đồng. Lãi của khoản nợ 1.000.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 30/03/2022 đến ngày 9/4/2025 (1106 ngày) là: 303.013.699 đồng. Hội đồng xét xử thấy mức lãi suất yêu cầu này của nguyên đơn là không trái và phù hợp với qui định của pháp luật về lãi suất, nên cần phải buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền lãi nêu trên là có cơ sở.

[5] Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bà Á đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000.000 đồng mượn ngày 02/12/2021 và 8.000.000 đồng trong khoản tiền mượn 200.000.000 đồng (tiền chuyển khoản). Xét thấy việc rút này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều 244 Bộ luật TTDS nên chấp nhận và HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Nguyễn Hữu X phải chịu là 56.979.813 đồng.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Ngọc Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.616.000 đồng, tại cơ quan Thi hành án quận N, theo biên lai thu số 0003435 ngày 08/10/2024.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc Á đối với ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H.

Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H phải trả cho bà Phạm Thị Ngọc Á số tiền 1.499.327.123 đồng (trong đó gốc 1.192.000.000 đồng và lãi 307.327.123 đồng)

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000.000 đồng mượn ngày 02/12/2021 (thể hiện tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 02/12/2021) và 8.000.000 đồng trong khoản tiền mượn 200.000.000đ (tiền chuyển khoản).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 56.979.813 đồng, ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H phải chịu.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Ngọc Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.616.000 đồng, tại cơ quan Thi hành án quận N, theo biên lai thu số 0003435 ngày 08/10/2024.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Lương Thị Anh